

DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẠC 5 (C1 THEO CEFR)
(Kỳ kiểm tra lần thứ 03, ngày 08/08/2021)

Hình thức kiểm tra: trực tuyến qua Microsoft Teams
(Ban hành theo Quyết định số 976/2021/VHU/QĐ ngày 20 tháng 09 năm 2021)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng		
1	VHU.TAC1.03.001	161A140109	Kha Mỹ	Án	08/10/1998	Kiên Giang	6	9	8	8	31	7.8	
2	VHU.TAC1.03.002	171A140249	Nguyễn Châu Quế	Anh	08/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6	10	10	8.5	34.5	8.6	
3	VHU.TAC1.03.003	161A140299	Phan Thị Kim	Anh	18/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5.5	7.5	8.5	4.5	26	6.5	
4	VHU.TAC1.03.004	171A140242	Vân Gia	Bảo	08/09/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	9	8	3.5	27	6.8	
5	VHU.TAC1.03.005	193A140006	Nguyễn Ngọc	Chiêu	02/02/1990	Bến Tre	6.5	9.5	10	7	33	8.3	
6	VHU.TAC1.03.006	193A140001	Lê Phạm Thanh	Duy	28/10/1997	Long An	5	8	9.5	5.5	28	7.0	
7	VHU.TAC1.03.007	193A140009	Lê Thị Phương	Duyên	12/12/1992	Lâm Đồng	6.5	9	9.5	5.5	30.5	7.6	
8	VHU.TAC1.03.008	151A140328	Lê Thị Thu	Hà	09/06/1997	Bình Phước	5	9	9	4	27	6.8	
9	VHU.TAC1.03.009	171A140215	Trần Phan Thanh	Hằng	27/07/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6	9.5	9	6	30.5	7.6	
10	VHU.TAC1.03.010	171A140110	Trương Thị Mỹ	Hằng	14/11/1999	An Giang	5.5	8	9	6.5	29	7.3	
11	VHU.TAC1.03.011	161A140518	Lê Thị Thu	Hiền	20/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6	9.5	9.5	6.5	31.5	7.9	
12	VHU.TAC1.03.012	171A140250	Võ Trúc	Hiệp	21/07/1999	Tây Ninh	6.5	10	10	7.5	34	8.5	
13	VHU.TAC1.03.013	171A140099	Trịnh Bảo	Hòa	25/09/1999	Bến Tre	5	8	10	6	29	7.3	
14	VHU.TAC1.03.014	171A140189	Lê Trần Kim	Hương	26/11/1999	Tiền Giang	4.5	9	9	6.5	29	7.3	
15	VHU.TAC1.03.015	171A140254	Nguyễn Huỳnh	Hương	15/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5	8	7.5	4.5	25	6.3	
16	VHU.TAC1.03.016	171A140084	Lê Thị Thanh	Huyền	15/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7	7.5	9.5	5.5	29.5	7.4	
17	VHU.TAC1.03.017	171A140008	Hồ Vi	Kiên	26/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	8	7.5	10	7	32.5	8.1	
18	VHU.TAC1.03.018	151A140570	Bành Nhã	Lạc	07/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	7	7.5	9	4.5	28	7.0	
19	VHU.TAC1.03.019	171A140276	Nguyễn Thị Yến	Lan	08/09/1999	Tiền Giang	7	9.5	10	8	34.5	8.6	
20	VHU.TAC1.03.020	193A140005	Hồ Thị Thủy	Linh	31/5/1990	Tp. Hồ Chí Minh	5	9	10	6	30	7.5	
21	VHU.TAC1.03.021	161A090001	Trần Văn	Long	20/08/1989	Đàklăk	5	9	9.5	6	29.5	7.4	
22	VHU.TAC1.03.022	193A140002	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/1989	Đồng Tháp	7.5	9.5	10	7	34	8.5	
23	VHU.TAC1.03.023	161A140427	Trần Thị Kim	Ngân	26/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6	9.5	9.5	6	31	7.8	
24	VHU.TAC1.03.024	193A140008	Trần Thị Yến	Nhi	07/10/1991	Bến Tre	5.5	8	9.5	4.5	27.5	6.9	
25	VHU.TAC1.03.025	161A140478	Lê Hoài	Nhi	17/04/1998	Cà Mau	5.5	9.5	10	7.5	32.5	8.1	
26	VHU.TAC1.03.026	171A140105	Huỳnh Phan Uyên	Nhi	03/10/1999	Bình Thuận	4.5	8	8	5.5	26	6.5	
27	VHU.TAC1.03.027	171A140143	Nguyễn Thị Yến	Nhi	24/04/1999	An Giang	4.5	9	9	5	27.5	6.9	
28	VHU.TAC1.03.028	151A140649	Nguyễn Trúc Uyên	Nhi	22/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	4.5	5	5.5	5.5	20.5	5.1	
29	VHU.TAC1.03.029	171A140378	Nguyễn Ngọc Bảo	Như	10/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	9	9.5	10	6	34.5	8.6	
30	VHU.TAC1.03.031	161A140400	Nguyễn Thị Kim	Quyên	07/08/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5	7.5	10	4.5	27	6.8	
31	VHU.TAC1.03.032	171A140159	Vũ Đa	Thảo	12/06/1999	Lâm Đồng	7	8	8	5	28	7.0	
32	VHU.TAC1.03.033	193A140007	Nguyễn Thị Phương	Thảo	28/10/1978	Tp. Hồ Chí Minh	8	9.5	9.5	6	33	8.3	
33	VHU.TAC1.03.034	171A140387	Hoàng Hiền	Thảo	26/10/1999	Ninh Thuận	5	8	8	6	27	6.8	
34	VHU.TAC1.03.035	161A140425	Nguyễn Thị Bảo	Thi	06/04/1998	Long An	5	9	9.5	6	29.5	7.4	
35	VHU.TAC1.03.036	161A140349	Lê Trung	Thiện	11/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7	7.5	7	5	26.5	6.6	
36	VHU.TAC1.03.037	151A140631	Nguyễn Thủy Thủy	Tiên	21/05/1997	Tp. Hồ Chí Minh	7.5	8.5	9.5	7	32.5	8.1	
37	VHU.TAC1.03.038	151A140620	Bùi Thị Giáng	Tiên	01/01/1997	Đàklăk	7	9	9	7	32	8.0	
38	VHU.TAC1.03.039	171A140103	Trần Thị Thủy	Tiên	28/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5.5	9	9	6	29.5	7.4	
39	VHU.TAC1.03.040	161A140218	Đinh Thị Triều	Tiên	28/6/1998	Phú Yên	5.5	10	10	6	31.5	7.9	
40	VHU.TAC1.03.041	171A030250	Nguyễn Thị Anh	Trâm	11/08/1999	Đồng Tháp	7	6.5	7	6	26.5	6.6	
41	VHU.TAC1.03.042	171A140097	Bùi Thị Ngọc	Trâm	04/06/1999	Tiền Giang	5	8.5	6.5	4	24	6.0	
42	VHU.TAC1.03.043	171A140346	Đỗ Thạch Tuyết	Trâm	04/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7	7.5	7	5.5	27	6.8	
43	VHU.TAC1.03.044	171A140324	Nguyễn An Thụy Bảo	Trần	28/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6	10	10	7	33	8.3	
44	VHU.TAC1.03.045	193A140004	Nguyễn Thị	Trí	06/06/1990	Quảng Ngãi	7	8	6.5	5	26.5	6.6	
45	VHU.TAC1.03.046	171A140033	Dương Thị Ngọc	Trình	19/12/1999	Trà Vinh	6	8	10	6	30	7.5	
46	VHU.TAC1.03.047	171A140107	Nguyễn Huệ	Trúc	04/11/1999	Đồng Nai	4.5	9	9.5	5	28	7.0	
47	VHU.TAC1.03.048	161A140217	Nguyễn Thị Thu	Tuyền	30/06/1998	Long An	5	9.5	10	5.5	30	7.5	
48	VHU.TAC1.03.049	171A140118	Đoàn Thị Cẩm	Viên	17/03/1999	Quảng Ngãi	5	9	10	5.5	29.5	7.4	
49	VHU.TAC1.03.050	171A140066	Trần Văn	Việt	15/05/1999	Bình Thuận	5.5	6.5	9	6.5	27.5	6.9	
50	VHU.TAC1.03.051	171A140120	Lê Thanh	Vy	17/03/1999	Tp. Hồ Chí Minh	9	9	8.5	6	32.5	8.1	
51	VHU.TAC1.03.053	151A140543	Điền	Nguyễn	11/11/1997	Bình Phước	7.5	9	9.5	7	33	8.3	

TỔNG SỐ THÍ SINH ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ: 51

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. TỪ MINH THIÊN